

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN THẠC SĨ KHÓA 2020 -2022
CỦA ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP. HỒ CHÍ MINH**

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành
1	264001	Nguyễn Đắc	Dy	Nam	12/8/1991	Thừa Thiên Huế	BTN và CBNĐ (Lao)
2	264002	Đoàn Lê Minh	Hạnh	Nữ	28/03/1978	Vĩnh Long	BTN và CBNĐ (Lao)
3	264004	Trần Thái	Thụ	Nam	27/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	BTN và CBNĐ (Lao)
4	264005	Nguyễn Thị Phương	Thùy	Nữ	13/08/1994	Long An	BTN và CBNĐ (Lao)
5	252001	Huỳnh Thị Thúy	Anh	Nữ	03/03/1993	An Giang	BTN và CBNĐ (Truyền nhiễm)
6	252002	Nguyễn Phương	Anh	Nam	23/06/1995	Tp. Hồ Chí Minh	BTN và CBNĐ (Truyền nhiễm)
7	252004	Trần Thị Kim	Anh	Nữ	17/12/1995	Quảng Nam	BTN và CBNĐ (Truyền nhiễm)
8	252009	Phan Trung	Kiên	Nam	04/03/1995	Bình Định	BTN và CBNĐ (Truyền nhiễm)
9	252010	Nguyễn Tuấn	Long	Nam	31/12/1995	Đồng Nai	BTN và CBNĐ (Truyền nhiễm)
10	252011	Trương Bình	Nam	Nam	22/05/1995	Kiên Giang	BTN và CBNĐ (Truyền nhiễm)
11	201001	Nguyễn Bình Phương	Anh	Nữ	30/03/1997	Quảng Nam	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
12	201002	Trần Thị Kim	Cúc	Nữ	04/02/1962	Sài Gòn	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
13	201005	Hồ Thị Hoàng	Diệu	Nữ	20/07/1995	Bình Thuận	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
14	201008	Vũ Lê	Hà	Nữ	04/09/1996	Bình Dương	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
15	201010	Trương Ngọc	Hân	Nữ	23/06/1996	Sài Gòn	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
16	201011	Lê Bùi Tiến	Huy	Nam	04/09/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
17	201012	Trịnh Xuân	Huy	Nam	23/04/1987	Lâm Đồng	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
18	201013	Đặng Thị	Huyền	Nữ	04/4/1991	Thanh Hóa	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
19	201014	Trương Công	Khánh	Nam	20/01/1995	Lâm Đồng	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
20	201015	Lôi Thông	Liêm	Nam	28/10/1983	Tiền Giang	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
21	201016	Nguyễn Vũ	Linh	Nam	01/05/1994	Bạc Liêu	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
22	201017	Phan Hoàng	Long	Nam	28/07/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
23	201018	Phan Tiểu	Long	Nam	08/09/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
24	201019	Nguyễn Hữu Mai	Lynh	Nữ	06/06/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc

25	201020	Tiêu Từ	Mẫn	Nữ	16/09/1986	Tp. Hồ Chí Minh	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
26	201021	Đoàn Quốc Hoài	Nam	Nam	09/03/1996	Thừa Thiên Huế	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
27	201025	Bùi Kim	Phụng	Nữ	29/03/1995	Bình Thuận	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
28	201027	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	Nữ	03/11/1988	Đồng Nai	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
29	201033	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	01/10/1993	Bà Rịa - Vũng Tàu	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
30	201034	Hoàng Thị Minh	Thu	Nữ	05/04/1994	Đắk Lắk	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
31	201035	Đỗ Thị Ngọc	Thúy	Nữ	18/01/1996	Đắk Lắk	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
32	201029	Phạm Trường	Tộ	Nam	30/04/1990	Tiền Giang	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
33	201038	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	26/03/1994	Bình Định	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
34	201040	Đào Tiên	Trung	Nam	28/05/1992	Tp. Hồ Chí Minh	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
35	201041	Nguyễn Vũ	Trường	Nam	01/09/1979	Trà Vinh	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
36	201031	Võ Linh	Tử	Nam	16/03/1996	Bến Tre	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
37	201032	Lê Thiện	Tường	Nam	29/11/1993	Bến Tre	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
38	201046	Nguyễn Vũ Thuy	Vy	Nữ	27/07/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
39	201047	Nguyễn Thị Kim	Xuyến	Nữ	15/11/1983	Long An	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
40	201048	Nguyễn Trần Hưng	Yên	Nữ	28/10/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
41	260005	Lê Thị Kim	Cúc	Nữ	01/12/1985	Tiền Giang	Điều dưỡng
42	260007	Hoàng Thị Thùy	Dung	Nữ	26/08/1994	Đắk Lắk	Điều dưỡng
43	260010	Đình Hoàng	Hải	Nam	10/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Điều dưỡng
44	260011	La Thanh	Hải	Nam	08/12/1995	Khánh Hòa	Điều dưỡng
45	260012	Phạm Thị Thanh	Hải	Nữ	02/07/1995	Bình Thuận	Điều dưỡng
46	260013	Lê Thị Ngọc	Hạnh	Nữ	03/03/1988	Tiền Giang	Điều dưỡng
47	260021	Huỳnh Hồng	Huội	Nữ	19/9/1982	Long An	Điều dưỡng
48	260025	Trần Thị Hồng	Hương	Nữ	28/12/1983	Tp. Hồ Chí Minh	Điều dưỡng
49	260022	Nguyễn Quang	Huy	Nam	02/01/1990	Tp. Hồ Chí Minh	Điều dưỡng
50	260023	Phạm Thanh	Huyền	Nữ	14/3/1989	Tp. Hồ Chí Minh	Điều dưỡng
51	260031	Nguyễn Thị Kim	Liên	Nữ	20/07/1994	Quảng Ngãi	Điều dưỡng
52	260032	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	09/08/1987	Tp. Hồ Chí Minh	Điều dưỡng
53	260033	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	08/10/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Điều dưỡng
54	260043	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	28/10/1992	Bến Tre	Điều dưỡng
55	260044	Phạm Vũ Ánh	Nguyệt	Nữ	15/05/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Điều dưỡng

56	260045	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	26/10/1994	Thừa Thiên Huế	Điều dưỡng
57	260040	Trần Nguyễn Ái	Nương	Nữ	02/06/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Điều dưỡng
58	260050	Trần Mỹ	Phương	Nữ	08/03/94	Bến Tre	Điều dưỡng
59	260051	Đoàn Thị	Phượng	Nữ	01/01/1994	Quảng Nam	Điều dưỡng
60	260052	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	Nữ	1988	Đồng Tháp	Điều dưỡng
61	260053	Nguyễn Thị Bích	Quyên	Nữ	26/12/1997	Bình Thuận	Điều dưỡng
62	260060	Nguyễn Thị Thu	Thúy	Nữ	08/02/1987	Tp. Hồ Chí Minh	Điều dưỡng
63	260064	Đinh Thị	Thúy	Nữ	04/10/1984	Tp. Hồ Chí Minh	Điều dưỡng
64	260062	Phan Hồng	Thủy	Nữ	01/09/1996	Cà Mau	Điều dưỡng
65	260063	Trần Thị Nguyên	Thủy	Nữ	23/12/1984	Tp. Hồ Chí Minh	Điều dưỡng
66	260067	Lê Thị Thu	Trang	Nữ	11/04/1984	Bến Tre	Điều dưỡng
67	260070	Phạm Thị Lệ	Trình	Nữ	05/04/1994	Bến Tre	Điều dưỡng
68	260072	Mai Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	26/09/1997	Tiền Giang	Điều dưỡng
69	260056	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	Nữ	29/12/1986	Tp. Hồ Chí Minh	Điều dưỡng
70	260076	Đinh Nguyễn Phi	Yên	Nữ	09/5/1984	Tp. Hồ Chí Minh	Điều dưỡng
71	254001	Lý Văn	Anh	Nữ	31/08/1995	Tp. Hồ Chí Minh	ĐQ và YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)
72	254004	Trần Hữu	Cường	Nam	12/11/1995	Nam Định	ĐQ và YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)
73	254009	Trần Đình	Hiên	Nam	04/05/1995	Quảng Ngãi	ĐQ và YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)
74	254011	Nguyễn Quang	Huy	Nam	01/08/1994	Hà Nam	ĐQ và YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)
75	254012	Trần Thanh	Khuê	Nữ	08/11/1995	Bình Định	ĐQ và YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)
76	254014	Nguyễn Hoàng	Nam	Nam	20/08/1995	Đồng Tháp	ĐQ và YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)
77	254015	Nguyễn Bá	Ngọc	Nam	05/02/1994	Hà Nội (Hà Tây Cũ)	ĐQ và YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)
78	254016	Nguyễn Phạm Bảo	Ngọc	Nữ	19/12/1994	Tây Ninh	ĐQ và YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)
79	254017	Phùng Võ Khắc	Nguyên	Nam	19/07/1993	Bến Tre	ĐQ và YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)
80	254018	Ông Thị Thảo	Như	Nữ	01/01/1995	Tp. Đà Nẵng	ĐQ và YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)
81	254021	Phạm Vũ Mỹ	Phụng	Nữ	31/07/1995	Khánh Hòa	ĐQ và YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)
82	254027	Lê Anh	Thành	Nam	25/04/1995	Tp. Đà Nẵng	ĐQ và YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)
83	254028	Dương Thị Phương	Thảo	Nữ	06/04/1994	Đắk Lắk	ĐQ và YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)
84	254030	Huỳnh Thị Ánh	Thoa	Nữ	01/09/1995	Đắk Lắk	ĐQ và YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)
85	254022	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	Nữ	20/02/1995	Bình Thuận	ĐQ và YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)
86	254034	Lê Thị Thùy	Trang	Nữ	10/05/1993	Tp. Hồ Chí Minh	ĐQ và YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)

87	254023	Phạm Huy	Tùng	Nam	03/07/1993	Thái Bình	ĐQ và YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)
88	254026	Trần Quý	Tường	Nam	06/10/1992	Đắk Lắk	ĐQ và YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)
89	254025	Nguyễn Ngọc Lam	Tuyền	Nữ	28/09/1995	Long An	ĐQ và YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)
90	254036	Huỳnh Thị Kim	Yên	Nữ	26/09/1993	Khánh Hòa	ĐQ và YHHN (Chẩn đoán hình ảnh)
91	257001	Nguyễn Hoàng Ngọc	Bích	Nữ	18/12/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Dược liệu - Dược học cổ truyền
92	257003	Phạm Phước	Đầy	Nam	05/08/1991	Cửu Long	Dược liệu - Dược học cổ truyền
93	257004	Đỗ Thị	Hằng	Nữ	16/12/1994	Gia Lai	Dược liệu - Dược học cổ truyền
94	257005	Nguyễn Thị Hồng	Hiều	Nữ	24/09/1996	Sóc Trăng	Dược liệu - Dược học cổ truyền
95	257007	Đinh Quang	Long	Nam	28/04/1996	Lâm Đồng	Dược liệu - Dược học cổ truyền
96	257008	Đoàn Thành	Luân	Nam	16/11/1996	Bình Định	Dược liệu - Dược học cổ truyền
97	257009	Dương Diễm	Mai	Nữ	30/07/1978	Sài Gòn	Dược liệu - Dược học cổ truyền
98	257011	Phan Thị Ánh	Ngọc	Nữ	23/02/1991	Đắk Lắk	Dược liệu - Dược học cổ truyền
99	207001	Nguyễn Thị Thanh	An	Nữ	22/04/1993	Lâm Đồng	Dược lý và dược lâm sàng
100	207003	Nguyễn Lê Tuấn	Anh	Nam	13/02/1995	Đồng Tháp	Dược lý và dược lâm sàng
101	207004	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	22/08/1992	Thanh Hóa	Dược lý và dược lâm sàng
102	207005	Phạm Ngọc	Anh	Nữ	19/04/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	Dược lý và dược lâm sàng
103	207006	Phạm Thị Kim	Anh	Nữ	12/12/1993	Lâm Đồng	Dược lý và dược lâm sàng
104	207008	Ngô Ngọc	Bình	Nữ	20/09/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Dược lý và dược lâm sàng
105	207009	Võ Thái Nguyệt	Cẩm	Nữ	12/03/1992	Tiền Giang	Dược lý và dược lâm sàng
106	207011	Đặng Thị Ngọc	Chi	Nữ	03/08/1981	Bình Phước	Dược lý và dược lâm sàng
107	207010	Tô Lý	Cường	Nam	13/09/1996	Vĩnh Long	Dược lý và dược lâm sàng
108	207015	Trương Phạm Hà	Đoan	Nữ	06/12/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Dược lý và dược lâm sàng
109	207019	Chu Thị Ngọc	Hà	Nữ	02/8/1989	Đồng Nai	Dược lý và dược lâm sàng
110	207021	Trần Thị Hồng	Hải	Nữ	01/03/1983	Quảng Ngãi	Dược lý và dược lâm sàng
111	207026	Ngô Ngọc	Hân	Nữ	24/06/1995	Bình Thuận	Dược lý và dược lâm sàng
112	207028	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	15/08/1994	Tây Ninh	Dược lý và dược lâm sàng

113	207030	Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	08/05/1985	Kiên Giang	Dược lý và dược lâm sàng
114	207031	Hồ Trọng	Hiếu	Nam	08/07/1995	Khánh Hòa	Dược lý và dược lâm sàng
115	207033	Nguyễn Phú	Hòa	Nam	19/04/1990	An Giang	Dược lý và dược lâm sàng
116	207034	Vũ Thị Thu	Hồng	Nữ	21/08/1996	Tây Ninh	Dược lý và dược lâm sàng
117	207042	Mai Thu	Hương	Nữ	07/10/1996	Khánh Hòa	Dược lý và dược lâm sàng
118	207044	Nguyễn Thu	Hương	Nữ	30/11/1994	Quảng Nam	Dược lý và dược lâm sàng
119	207037	Lê Hoàng Công	Huy	Nam	22/12/1993	Đắk Lắk	Dược lý và dược lâm sàng
120	207046	Dương Trung	Kiên	Nam	17/05/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Dược lý và dược lâm sàng
121	207052	Phạm Thị	Lành	Nữ	01/01/1984	Quảng Ninh	Dược lý và dược lâm sàng
122	207062	Huỳnh Tú	Mẫn	Nữ	12/10/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Dược lý và dược lâm sàng
123	207063	Bùi Duy	Minh	Nam	17/01/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Dược lý và dược lâm sàng
124	207069	Trần Thị Huyền	Nga	Nữ	30/11/1992	Tp. Hồ Chí Minh	Dược lý và dược lâm sàng
125	207073	Đặng Thị Thùy	Ngân	Nữ	24/12/1987	Đắk Lắk	Dược lý và dược lâm sàng
126	207076	Lê Trần Bảo	Ngọc	Nữ	02/09/1995	Ninh Thuận	Dược lý và dược lâm sàng
127	207080	Phan Thanh	Ngọc	Nữ	05/08/1982	Bình Dương	Dược lý và dược lâm sàng
128	207082	Nguyễn Vĩnh	Nguyên	Nam	13/12/1990	Bà Rịa - Vũng Tàu	Dược lý và dược lâm sàng
129	207086	Võ Nguyễn Nguyên	Nhật	Nam	02/11/1996	Khánh Hòa	Dược lý và dược lâm sàng
130	207098	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	Nữ	15/02/1981	Bà Rịa - Vũng Tàu	Dược lý và dược lâm sàng
131	207100	Nguyễn Thị Thùy	Sao	Nữ	02/08/1993	Nghệ An	Dược lý và dược lâm sàng
132	207101	Lê Thanh	Tâm	Nữ	16/02/1987	Tp. Hồ Chí Minh	Dược lý và dược lâm sàng
133	207118	Thiệu Thanh	Thảo	Nữ	03/11/1990	Bến Tre	Dược lý và dược lâm sàng
134	207119	Lê Nguyễn Tấn	Thiện	Nam	16/11/1997	Tp. Đà Nẵng	Dược lý và dược lâm sàng
135	207121	Nguyễn Thị Hoàng	Thơ	Nữ	18/12/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Dược lý và dược lâm sàng
136	207124	Vũ Lê Anh	Thư	Nữ	16/05/1996	Thừa Thiên Huế	Dược lý và dược lâm sàng
137	207106	Phạm Quang	Tiến	Nam	13/11/1994	Tiền Giang	Dược lý và dược lâm sàng
138	207107	Hoàng Trọng	Tín	Nam	07/04/1990	Lâm Đồng	Dược lý và dược lâm sàng
139	207108	Nguyễn Phước	Tín	Nam	03/11/1991	Tiền Giang	Dược lý và dược lâm sàng

140	207126	Nguyễn Hồng Hiền	Trang	Nữ	07/10/1996	Khánh Hòa	Dược lý và dược lâm sàng
141	207127	Phạm Nguyễn Minh	Trang	Nữ	26/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Dược lý và dược lâm sàng
142	207110	Nguyễn Nhật Thiên	Tú	Nữ	05/08/1995	Khánh Hòa	Dược lý và dược lâm sàng
143	207142	Lê Thị Thu	Vân	Nữ	03/08/1989	Đồng Nai	Dược lý và dược lâm sàng
144	207144	Lương Thị Hạ	Vi	Nữ	27/09/1996	Gia Lai	Dược lý và dược lâm sàng
145	207145	Hà Hoàng Anh	Vĩnh	Nam	29/08/1987	Đắk Lắk	Dược lý và dược lâm sàng
146	207147	Vy Thị Thanh	Xuân	Nữ	20/02/1994	Đắk Lắk	Dược lý và dược lâm sàng
147	207149	Lê Thị Ngọc	Yến	Nữ	11/06/1996	Tp. Đà Nẵng	Dược lý và dược lâm sàng
148	207150	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	Nữ	24/12/1982	Tp. Hồ Chí Minh	Dược lý và dược lâm sàng
149	208003	Lê Thanh Hải	Đăng	Nam	05/06/1995	Bến Tre	Gây mê hồi sức.
150	208006	Lê Tấn Nguyên	Phúc	Nam	16/08/1995	Tiền Giang	Gây mê hồi sức.
151	208008	Lưu Quang	Quân	Nam	12/01/1995	Đồng Nai	Gây mê hồi sức.
152	208009	Nguyễn Phan Thủy	Tiên	Nữ	26/04/1995	Vĩnh Long	Gây mê hồi sức.
153	208014	Giao Hữu Trường	Vinh	Nam	11/12/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Gây mê hồi sức.
154	243001	Nguyễn Thị Hoàng	An	Nữ	03/07/1993	Đắk Lắk	KHYS (Giải phẫu bệnh)
155	243002	Lê Hà Ngọc	Diệp	Nữ	17/10/1992	Tp. Đà Nẵng	KHYS (Giải phẫu bệnh)
156	243003	Trương Thị Ngọc	Hân	Nữ	12/08/1993	Quảng Nam	KHYS (Giải phẫu bệnh)
157	243004	Nguyễn Thành	Hung	Nam	16/04/1989	Bình Phước	KHYS (Giải phẫu bệnh)
158	243005	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	Nữ	01/03/1995	Tp. Đà Nẵng	KHYS (Giải phẫu bệnh)
159	243006	Huỳnh Nguyễn Thịnh	Phát	Nam	26/03/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KHYS (Giải phẫu bệnh)
160	243007	Nguyễn Thảo	Quyên	Nữ	11/9/1995	Đắk Lắk	KHYS (Giải phẫu bệnh)
161	243008	Nguyễn Thanh	Tú	Nam	22/10/1995	Tây Ninh	KHYS (Giải phẫu bệnh)
162	243010	Đặng Minh	Xuân	Nữ	08/03/1995	Tp. Hồ Chí Minh	KHYS (Giải phẫu bệnh)
163	245001	Lê Văn	Đảm	Nam	04/05/1994	Trà Vinh	KHYS (Giải phẫu học)
164	245002	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	13/03/1989	Tiền Giang	KHYS (Giải phẫu học)
165	245003	Trần Phương	Nam	Nam	27/04/1987	Thừa Thiên Huế	KHYS (Giải phẫu học)
166	245004	Hoàng Bảo	Tín	Nam	06/11/1991	Thanh Hóa	KHYS (Giải phẫu học)
167	246001	Dương Hà Khánh	Linh	Nữ	17/05/1994	Thừa Thiên Huế	KHYS (Hóa sinh)
168	246002	Hồ Trần Hạnh	Nguyên	Nữ	20/07/1991	Tp. Đà Nẵng	KHYS (Hóa sinh)
169	246003	Cao Thị	Phụng	Nữ	17/12/1994	Quảng Ngãi	KHYS (Hóa sinh)
170	246004	Hoàng Thị	Thùy	Nữ	08/09/1992	Thanh Hóa	KHYS (Hóa sinh)

171	246005	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	Nữ	08/07/1992	Tp. Hồ Chí Minh	KHYS (Hóa sinh)
172	244001	Lê Viết	Duy	Nam	13/12/1989	Tp. Hồ Chí Minh	KHYS (Mô phôi)
173	244002	Phan Thanh	Tiến	Nam	16/04/1993	Tp. Đà Nẵng	KHYS (Mô phôi)
174	247001	Nguyễn Hiếu	Thảo	Nữ	15/04/1993	Trà Vinh	KHYS (Sinh lý học)
175	258002	Nguyễn Thị Vân	Dung	Nữ	11/04/1987	Đắk Lắk	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
176	258004	Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	18/08/1970	Tp. Hồ Chí Minh	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
177	258005	Võ Thành	Duy	Nam	29/06/1993	Bến Tre	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
178	258006	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên	Nữ	05/06/1986	Bình Định	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
179	258007	Huỳnh Thị Minh	Hằng	Nữ	02/10/1965	Tp. Hồ Chí Minh	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
180	258008	Nguyễn Thị Diệu	Hiên	Nữ	11/06/1990	Quảng Ngãi	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
181	258009	Lê Thanh	Hoàng	Nam	10/12/1994	Quảng Nam	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
182	258011	Nguyễn Ngọc Tiến	Hung	Nam	09/02/1996	Khánh Hòa	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
183	258012	Lương Vĩ	Khang	Nam	23/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
184	258014	Trương Nhật	Khánh	Nam	10/11/1995	Tiền Giang	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
185	258015	Bùi Từ	Khuê	Nữ	24/12/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
186	258016	Phạm Ngọc	Liên	Nữ	13/11/1993	Tây Ninh	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
187	258017	Đinh Thị Lan	Linh	Nữ	24/10/1995	Ninh Bình	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
188	258018	Bùi Thái Thảo	Ly	Nữ	11/04/1993	Bình Định	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
189	258019	Nguyễn Mai Quỳnh	My	Nữ	20/09/1996	Đắk Lắk	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
190	258021	Tô Trần Bảo	Ngọc	Nữ	18/01/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
191	258022	Lê Nguyễn Trung	Nguyên	Nam	11/10/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
192	258020	Nguyễn Thị Kiều	Ny	Nữ	20/10/1992	Gia Lai	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
193	258023	Thái	Phát	Nam	10/8/1995	Vĩnh Long	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
194	258026	Vũ Thị Kim	Phượng	Nữ	28/06/1995	Nam Định	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
195	258033	Hà Đức	Thắng	Nam	18/05/1991	Đắk Lắk	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
196	258034	Đỗ Lê Anh	Thư	Nữ	06/02/1996	Tp. Cần Thơ	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
197	258029	Nguyễn Minh	Tiến	Nam	07/03/1991	Tp. Hồ Chí Minh	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
198	258036	Huỳnh Ngọc Thùy	Trâm	Nữ	12/09/1994	Cà Mau	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
199	258038	Phạm Lê Ngọc	Yên	Nữ	14/10/1996	Bến Tre	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
200	262001	Nguyễn Mai	Anh	Nữ	31/8/1986	Hải Dương	Kỹ thuật phục hồi chức năng.
201	262002	Trần Long	Biên	Nam	13/04/1995	Bình Thuận	Kỹ thuật phục hồi chức năng.

202	262003	Nguyễn Lam	Bình	Nữ	22/10/1995	Tiền Giang	Kỹ thuật phục hồi chức năng.
203	262004	Phan Thị Diễm	Ca	Nữ	20/09/1984	Tây Ninh	Kỹ thuật phục hồi chức năng.
204	262005	Nguyễn Mai Ngọc	Đoan	Nữ	28/11/1995	Tiền Giang	Kỹ thuật phục hồi chức năng.
205	262006	Lê Tường	Giao	Nam	08/10/1965	Tp. Hồ Chí Minh	Kỹ thuật phục hồi chức năng.
206	262009	Đặng Thị Thúy	Hằng	Nữ	08/01/1989	Hải Dương	Kỹ thuật phục hồi chức năng.
207	262010	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	07/07/1990	Thái Bình	Kỹ thuật phục hồi chức năng.
208	262007	Cao Minh	Hạnh	Nam	07/07/1983	Tiền Giang	Kỹ thuật phục hồi chức năng.
209	262008	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	20/10/1995	Quảng Nam	Kỹ thuật phục hồi chức năng.
210	262011	Trần Thị	Hiên	Nữ	28/7/1990	Hải Dương	Kỹ thuật phục hồi chức năng.
211	262013	Nguyễn Vũ Thị Kim	Liên	Nữ	04/01/1995	Đồng Nai	Kỹ thuật phục hồi chức năng.
212	262015	Nguyễn Minh	Sang	Nam	01/01/1989	Đồng Tháp	Kỹ thuật phục hồi chức năng.
213	262016	Trần Thị Huyền	Sương	Nữ	12/11/1989	Quảng Nam	Kỹ thuật phục hồi chức năng.
214	262017	Phạm Minh	Tân	Nam	10/01/1982	Bình Định	Kỹ thuật phục hồi chức năng.
215	262019	Võ Quốc	Trung	Nam	22/04/1983	Long An	Kỹ thuật phục hồi chức năng.
216	261002	Đặng Thị Kim	Chi	Nữ	22/04/1995	Sóc Trăng	Kỹ thuật xét nghiệm y học
217	261001	Cao Thị Thu	Cúc	Nữ	16/11/1963	Tp. Hồ Chí Minh	Kỹ thuật xét nghiệm y học
218	261008	Nguyễn Nhị	Đệ	Nam	15/10/1986	Bạc Liêu	Kỹ thuật xét nghiệm y học
219	261010	Đỗ Thị Thanh	Đông	Nữ	07/06/1986	Hưng Yên	Kỹ thuật xét nghiệm y học
220	261005	Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	25/06/1985	Phú Yên	Kỹ thuật xét nghiệm y học
221	261007	Đỗ Ánh	Dương	Nữ	16/11/1994	Bạc Liêu	Kỹ thuật xét nghiệm y học
222	261006	Quốc Kỳ	Duyên	Nữ	22/10/1995	Đồng Nai	Kỹ thuật xét nghiệm y học
223	261011	Nguyễn Yên Thu	Giang	Nữ	28/06/1996	Đắk Lắk	Kỹ thuật xét nghiệm y học
224	261013	Trương Thị	Giang	Nữ	25/10/1995	Thanh Hóa	Kỹ thuật xét nghiệm y học
225	261016	Hồ Thị Ngọc	Hạnh	Nữ	25/03/1980	Bình Dương	Kỹ thuật xét nghiệm y học
226	261017	Hồ Hoàng	Hào	Nữ	26/11/1994	Lâm Đồng	Kỹ thuật xét nghiệm y học
227	261020	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	16/08/1993	Đắk Lắk	Kỹ thuật xét nghiệm y học
228	261023	Châu Huỳnh Vũ	Hương	Nữ	11/02/1995	Long An	Kỹ thuật xét nghiệm y học
229	261024	Nguyễn Thị Lệ	Hương	Nữ	25/05/1988	Khánh Hòa	Kỹ thuật xét nghiệm y học
230	261026	Đào Kim	Khánh	Nữ	26/01/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Kỹ thuật xét nghiệm y học
231	261028	Lê Thanh	Liêm	Nam	27/05/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kỹ thuật xét nghiệm y học
232	261029	Nguyễn Thị Thúy	Lợi	Nữ	29/03/1994	Đồng Tháp	Kỹ thuật xét nghiệm y học

233	261030	Phan Thị Cẩm	Luyến	Nữ	17/03/1995	Quảng Nam	Kỹ thuật xét nghiệm y học
234	261032	Nguyễn Thị Yến	Minh	Nữ	01/01/1985	Vĩnh Long	Kỹ thuật xét nghiệm y học
235	261033	Nguyễn Thị Diễm	My	Nữ	24/09/1993	Đắk Lắk	Kỹ thuật xét nghiệm y học
236	261035	Hoàng Thị	Ngọc	Nữ	19/09/1991	Nghệ An	Kỹ thuật xét nghiệm y học
237	261036	Lê Thị Thanh	Nhàn	Nữ	16/05/1995	Quảng Trị	Kỹ thuật xét nghiệm y học
238	261039	Phạm Nguyễn Hữu	Phúc	Nam	22/12/1988	Bến Tre	Kỹ thuật xét nghiệm y học
239	261040	Trần Hoàng	Phúc	Nam	06/11/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kỹ thuật xét nghiệm y học
240	261041	Lê Thị Trúc	Phương	Nữ	22/6/1987	Long An	Kỹ thuật xét nghiệm y học
241	261043	Nguyễn Thị Bích	Phượng	Nữ	23/05/1990	Đắk Lắk	Kỹ thuật xét nghiệm y học
242	261046	Bùi Quang	Sang	Nam	18/05/1989	Bến Tre	Kỹ thuật xét nghiệm y học
243	261047	Nguyễn Thị Bé	Sáu	Nữ	01/01/1993	Trà Vinh	Kỹ thuật xét nghiệm y học
244	261050	Nguyễn Minh	Tâm	Nam	02/10/1990	Tp. Hồ Chí Minh	Kỹ thuật xét nghiệm y học
245	261053	Nguyễn Thị Bích	Thảo	Nữ	18/01/1993	Gia Lai	Kỹ thuật xét nghiệm y học
246	261061	Võ Việt	Trung	Nam	27/04/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Kỹ thuật xét nghiệm y học
247	261063	Hà Phạm Yến	Vy	Nữ	14/11/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kỹ thuật xét nghiệm y học
248	261064	Lê Thị Ái	Vy	Nữ	20/06/1995	Bình Định	Kỹ thuật xét nghiệm y học
249	261065	Nguyễn Thị Ái	Vy	Nữ	31/08/1988	Gia Lai	Kỹ thuật xét nghiệm y học
250	261067	Nguyễn Thị	Xuyên	Nữ	11/07/1987	Quảng Ngãi	Kỹ thuật xét nghiệm y học
251	204002	Hồ Văn Duy	Ăn	Nam	01/08/1995	Thừa Thiên Huế	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)
252	204005	Nguyễn Quang Việt	Cường	Nam	23/11/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)
253	204006	Phan Trí	Cường	Nam	16/07/1988	Tp. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)
254	204008	Trần Phước	Đạt	Nam	01/01/1995	Lâm Đồng	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)
255	204009	Lê Đức	Đôn	Nam	18/7/1995	Phú Yên	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)
256	204010	Phan Bá Vũ	Đông	Nam	02/09/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)
257	204012	Huỳnh Thanh Tiền	Giang	Nam	15/07/1995	Tiền Giang	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)
258	204020	Đinh Thanh	Long	Nam	16/04/1989	Đắk Lắk	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)
259	204022	Nguyễn Văn	Lưu	Nam	26/06/1995	Đồng Nai	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)
260	204023	Hàng Trâm	Minh	Nam	29/04/1995	Ninh Thuận	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)
261	204024	Lê Hoàng Anh	Minh	Nam	10/08/1993	Sóc Trăng	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)
262	204030	Diệp Minh	Quân	Nam	01/02/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)
263	204032	Lê Nhật	Sáng	Nam	29/01/1995	Hà Nội (Hà Tây	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)

						Cũ)	
264	204033	Nguyễn Hoàng	Son	Nam	24/01/1996	Sóc Trăng	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)
265	204035	Phan Thanh	Tân	Nam	29/07/1995	Đồng Tháp	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)
266	204036	Phan Trung	Tín	Nam	20/10/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)
267	204043	Trần Quốc	Vinh	Nam	10/09/1993	Khánh Hòa	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)
268	219002	Trần Minh	Châu	Nữ	18/09/1991	Tp. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)
269	219003	Nguyễn Võ Tấn	Danh	Nam	31/05/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)
270	219004	Nguyễn Thái	Dũng	Nam	08/02/1978	Tp. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)
271	219005	Phan Vũ Hồng	Hải	Nữ	02/09/1995	Quảng Nam	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)
272	219006	Lê Chí	Hiếu	Nam	27/11/1995	Quảng Ngãi	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)
273	219007	Phạm	Hung	Nam	22/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)
274	219008	Ngô Lê Anh	Lộc	Nam	21/04/1995	Tây Ninh	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)
275	219010	Lương Việt	Thắng	Nam	17/05/1990	Thái Bình	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)
276	219011	Trần Hoàng	Thịnh	Nam	02/11/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)
277	219012	Võ Duy	Trọng	Nam	09/02/1994	Bình Định	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)
278	219013	Hoàng Ngọc	Vi	Nam	23/01/1995	Đắk Lắk	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)
279	219014	Phạm Xuân	Vinh	Nam	12/09/1991	Tp. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)
280	220001	Nguyễn Tài	Ấn	Nam	14/10/1995	Quảng Ngãi	Ngoại khoa (Ngoại - nhi)
281	220002	Chu Trường	Đạt	Nam	17/08/1995	Đắk Lắk	Ngoại khoa (Ngoại - nhi)
282	220003	Trần Phương Quỳnh	Hoa	Nữ	05/10/1995	Bình Định	Ngoại khoa (Ngoại - nhi)
283	220004	Phạm Viết	Hoàng	Nam	18/11/1995	Quảng Ngãi	Ngoại khoa (Ngoại - nhi)
284	220005	Phùng Nguyễn Việt	Hung	Nam	01/08/1995	Đắk Lắk	Ngoại khoa (Ngoại - nhi)
285	220007	Võ Lê Đức	Trọng	Nam	04/05/1995	Trà Vinh	Ngoại khoa (Ngoại - nhi)
286	222001	Phạm Bùi Tuấn	Anh	Nam	16/03/1993	Kiên Giang	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh - sọ não)
287	222008	Trần Đăng	Khôi	Nam	04/11/1995	Bình Thuận	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh - sọ não)
288	222009	Lê Tấn	Linh	Nam	27/06/1995	Bình Định	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh - sọ não)
289	222011	Nguyễn Long	Phúc	Nam	29/04/1995	Lâm Đồng	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh - sọ não)
290	222012	Nguyễn Tuấn	Quang	Nam	05/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh - sọ não)
291	222017	Nguyễn Đỗ	Văn	Nam	01/08/1995	Quảng Ngãi	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh - sọ não)
292	223002	Vũ Đức	Công	Nam	18/09/1992	An Giang	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)
293	223003	Hoàng Tiến	Đạt	Nam	14/12/1995	Tây Ninh	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)

294	223004	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	15/08/1995	Khánh Hòa	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)
295	223005	Giảng Anh	Duy	Nam	17/09/1993	Tiền Giang	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)
296	223007	La Quang	Huy	Nam	05/07/1992	Thái Nguyên	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)
297	223008	Nguyễn Trần Nhựt	Huy	Nam	16/02/1995	Tp. Cần Thơ	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)
298	223011	Trần Trọng	Nhân	Nam	15/03/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)
299	223014	Trần Tấn	Sang	Nam	01/12/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)
300	223015	Trần Quang	Sinh	Nam	05/12/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)
301	223017	Phạm Hữu	Tùng	Nam	22/03/1995	Bắc Ninh	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)
302	221004	Võ Minh	Đạt	Nam	31/03/1995	Đồng Tháp	Ngoại khoa.
303	221005	Phạm Trương	Đính	Nam	01/10/1995	Gia Lai	Ngoại khoa.
304	221006	Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	01/02/1995	Quảng Ngãi	Ngoại khoa.
305	221007	Trần Quốc	Hạnh	Nam	20/06/1993	Quảng Ngãi	Ngoại khoa.
306	221008	Ngô Minh	Hiếu	Nam	09/05/1993	Long An	Ngoại khoa.
307	221010	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	16/04/1994	Đắk Lắk	Ngoại khoa.
308	221013	Phùng Thị	Hương	Nữ	23/11/1994	Vĩnh Phúc	Ngoại khoa.
309	221012	Nguyễn Phương	Huỳnh	Nữ	17/12/1994	Kiên Giang	Ngoại khoa.
310	221014	Nguyễn Sỹ	Kiệt	Nam	04/03/1994	Bình Thuận	Ngoại khoa.
311	221017	Nguyễn Trọng	Long	Nam	02/01/1994	Ninh Thuận	Ngoại khoa.
312	221020	Đỗ Thị Thu	Phương	Nữ	04/08/1986	Tp. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa.
313	221024	Lê Hữu	Thành	Nam	15/02/1995	An Giang	Ngoại khoa.
314	221022	Trần Anh	Tuấn	Nam	20/02/1993	Đồng Nai	Ngoại khoa.
315	221023	Đặng Chí	Tùng	Nam	25/12/1994	Đồng Nai	Ngoại khoa.
316	221027	Trần Nguyễn	Uyên	Nữ	12/11/1995	Bình Thuận	Ngoại khoa.
317	221029	Phạm Quang	Vũ	Nam	10/06/1995	Bình Phước	Ngoại khoa.
318	224002	Mai Ngọc	Ánh	Nam	20/07/1995	Hà Nội (Hà Tây cũ)	Nhân khoa.
319	224005	Nguyễn Thị	Công	Nữ	12/11/1995	Quảng Nam	Nhân khoa.
320	224007	Trương Tiến	Dũng	Nam	25/05/1995	Nam Định	Nhân khoa.
321	224012	Kiều Thanh	Kiên	Nam	24/03/1995	Đắk Lắk	Nhân khoa.
322	224018	Võ Thị Ngọc	Nguyệt	Nữ	20/07/1995	An Giang	Nhân khoa.
323	224024	Đoàn	Sang	Nam	18/01/1994	Bình Thuận	Nhân khoa.
324	224025	Lê Đỗ Tấn	Sang	Nam	26/10/1995	Đồng Nai	Nhân khoa.

325	224034	Hồ Đoan	Trang	Nữ	15/04/1995	Bến Tre	Nhân khoa.
326	224039	Lê Trần Thúy	Vy	Nữ	30/09/1995	Trà Vinh	Nhân khoa.
327	224040	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	Nữ	02/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Nhân khoa.
328	225002	Trương Ngọc	Chơi	Nam	16/08/1995	Bình Định	Nhi khoa.
329	225011	Phan Duy	Hưng	Nam	16/11/1993	Tp. Hải Phòng	Nhi khoa.
330	225017	Phạm Ngọc	Luân	Nam	19/04/1994	Tiền Giang	Nhi khoa.
331	225023	Trần Minh	Nhật	Nam	13/09/1995	Đồng Tháp	Nhi khoa.
332	225026	Huỳnh Minh	Rạng	Nam	17/03/1995	Long An	Nhi khoa.
333	225032	Trần Văn	Thành	Nam	01/12/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Nhi khoa.
334	225033	Võ Văn	Thi	Nam	1992	Trà Vinh	Nhi khoa.
335	225035	KIÊN MINH	TRÍ	Nam	04/05/1995	Trà Vinh	Nhi khoa.
336	225037	Nguyễn Cao Minh	Uyên	Nữ	28/04/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Nhi khoa.
337	225039	Trần Thị Lệ	Uyên	Nữ	18/09/1985	Quảng Ngãi	Nhi khoa.
338	248010	Võ Thị Thái	Dương	Nữ	19/06/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Da liễu)
339	248016	Lê Hữu Hoàng	Hải	Nam	21/06/1991	Gia Lai	Nội khoa (Da liễu)
340	248017	Nguyễn Trường	Hải	Nam	03/02/1995	Bình Dương	Nội khoa (Da liễu)
341	248019	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	14/01/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nội khoa (Da liễu)
342	248021	Lương Ngọc Khải	Hoàn	Nam	16/08/1994	Tp. Cần Thơ	Nội khoa (Da liễu)
343	248026	Mạch Khánh	Huy	Nam	19/11/1995	Sóc Trăng	Nội khoa (Da liễu)
344	248031	Nguyễn Phạm Hoàng	Kim	Nữ	30/09/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Da liễu)
345	248036	Trần Việt Quốc	Liêm	Nam	01/01/1994	Đồng Nai	Nội khoa (Da liễu)
346	248037	Diệp Yến	Linh	Nữ	05/07/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Da liễu)
347	248048	Trần Lê Hương	Nguyên	Nữ	20/01/1994	Đắk Lắk	Nội khoa (Da liễu)
348	248058	Trần Nguyễn Minh	Quân	Nam	28/07/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Da liễu)
349	248061	Phùng Ngô Thúy	Quỳnh	Nữ	27/01/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Da liễu)
350	248071	Chu Thị Anh	Thảo	Nữ	08/02/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Da liễu)
351	248076	Thái Văn	Thống	Nam	13/10/1995	Đắk Lắk	Nội khoa (Da liễu)
352	248082	Triệu Nguyễn Ngọc	Trâm	Nữ	27/10/1993	Tây Ninh	Nội khoa (Da liễu)
353	248079	Huỳnh Thị	Trang	Nữ	10/01/1995	Quảng Ngãi	Nội khoa (Da liễu)
354	248083	Huỳnh Công	Trí	Nam	30/04/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Da liễu)
355	248064	Ngô Anh	Tuấn	Nam	26/07/1995	Nam Định	Nội khoa (Da liễu)

356	248068	Hoàng Thị Thanh	Tuyến	Nữ	26/03/1994	Lâm Đồng	Nội khoa (Da liễu)
357	248089	Phạm Xuân Ai	Vy	Nữ	21/08/1995	Bình Định	Nội khoa (Da liễu)
358	250001	Huỳnh Quang	Đạt	Nam	03/04/1995	Khánh Hòa	Nội khoa (Huyết học và truyền máu)
359	250002	Đào Thị Thu	Hiên	Nữ	2/12/1993	Gia Lai	Nội khoa (Huyết học và truyền máu)
360	250003	Vũ Thị Mai	Hoa	Nữ	15/01/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nội khoa (Huyết học và truyền máu)
361	250006	Trần Thị	Nhi	Nữ	27/04/1994	Lâm Đồng	Nội khoa (Huyết học và truyền máu)
362	250007	Lê Thế Đức	Tài	Nam	22/09/1995	Đồng Nai	Nội khoa (Huyết học và truyền máu)
363	250010	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	Nữ	09/10/1995	Quảng Ngãi	Nội khoa (Huyết học và truyền máu)
364	250008	Trần Thanh	Tòng	Nam	19/05/1995	Đồng Tháp	Nội khoa (Huyết học và truyền máu)
365	250011	Đặng Nguyễn Bảo	Trâm	Nữ	14/11/1995	Bến Tre	Nội khoa (Huyết học và truyền máu)
366	214001	Nguyễn Công	Chánh	Nam	17/09/1995	Bến Tre	Nội khoa (Lão khoa)
367	214002	Lê Thị Ngọc	Duyên	Nữ	22/06/1995	Tp. Cần Thơ	Nội khoa (Lão khoa)
368	214004	Trần Quang	Khải	Nam	12/05/1994	Sông Bé	Nội khoa (Lão khoa)
369	214005	Hà Phạm Trọng	Khang	Nam	10/02/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Lão khoa)
370	214006	Vũ Dương Tuyết	Lan	Nữ	02/11/1995	Long An	Nội khoa (Lão khoa)
371	214007	Nguyễn Đông	Lập	Nam	16/06/1995	Long An	Nội khoa (Lão khoa)
372	214008	Hồ Ngọc	Lợi	Nam	26/12/1992	An Giang	Nội khoa (Lão khoa)
373	214009	Nguyễn Quang	Minh	Nam	24/06/1995	Bình Dương	Nội khoa (Lão khoa)
374	214010	Nguyễn Thái	Minh	Nam	29/08/1990	Long An	Nội khoa (Lão khoa)
375	214011	Nguyễn Hữu	Nhân	Nam	18/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Lão khoa)
376	214012	Võ Tuấn	Phong	Nam	01/06/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Lão khoa)
377	214013	Hoàng Thị Phương	Quý	Nữ	17/10/1995	Đắk Lắk	Nội khoa (Lão khoa)
378	214014	Lê Trọng	Quyên	Nam	11/02/1995	Đắk Lắk	Nội khoa (Lão khoa)
379	214016	Lê Hoàng	Thiên	Nam	26/08/1995	Lâm Đồng	Nội khoa (Lão khoa)
380	214018	Trần Thị Thương	Thương	Nữ	24/02/1995	Đắk Lắk	Nội khoa (Lão khoa)
381	214017	Phạm Thị Thanh	Thúy	Nữ	13/12/1993	Bình Thuận	Nội khoa (Lão khoa)
382	214015	Nguyễn Đình	Tuấn	Nam	15/03/1995	Quảng Bình	Nội khoa (Lão khoa)
383	214019	Trần Lê	Vy	Nữ	23/08/1995	Bình Định	Nội khoa (Lão khoa)
384	218001	Nguyễn Nhật	An	Nữ	23/11/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Nội tiết)
385	218002	Đỗ Trúc	Anh	Nữ	16/8/1994	Long An	Nội khoa (Nội tiết)
386	218003	Hà Thị Ngọc	Bích	Nữ	20/01/1995	Trà Vinh	Nội khoa (Nội tiết)

387	218005	Trần Kiều	Hoanh	Nữ	25/03/1995	Gia Lai	Nội khoa (Nội tiết)
388	218006	Huỳnh Tấn	Hùng	Nam	15/02/1995	Đồng Tháp	Nội khoa (Nội tiết)
389	218010	Nguyễn Văn	Nhất	Nam	01/01/1993	Thừa Thiên Huế	Nội khoa (Nội tiết)
390	251001	Nguyễn Thiên	Hung	Nam	24/12/1995	Phú Yên	Nội khoa (Tâm thần)
391	251003	Trương Quốc	Thọ	Nam	23/09/1995	Bình Thuận	Nội khoa (Tâm thần)
392	251004	Nguyễn Lý Bích	Trâm	Nữ	30/04/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Tâm thần)
393	249001	Nguyễn Vân	Anh	Nữ	26/01/1995	Bến Tre	Nội khoa (Thần kinh)
394	249003	Dương Nguyễn Hoàng	Hải	Nam	28/10/1993	Cà Mau	Nội khoa (Thần kinh)
395	249004	Phạm Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	30/11/1995	Đồng Nai	Nội khoa (Thần kinh)
396	249006	Đặng Hoàng	Hung	Nam	05/08/1995	Thừa Thiên Huế	Nội khoa (Thần kinh)
397	249005	Đặng Quang	Huy	Nam	21/08/1995	Bình Định	Nội khoa (Thần kinh)
398	249008	Lê Nguyễn Thục	Nhi	Nữ	05/10/1995	Đắk Lắk	Nội khoa (Thần kinh)
399	249009	Nguyễn Minh	Nhật	Nam	05/05/1995	Bình Thuận	Nội khoa (Thần kinh)
400	249012	Trần Thị Hoài	Thu	Nữ	08/08/1995	Đồng Nai	Nội khoa (Thần kinh)
401	249014	Nguyễn Thương	Trương	Nam	09/01/1995	Đồng Tháp	Nội khoa (Thần kinh)
402	249016	Huỳnh Thị Như	Ý	Nữ	04/09/1995	Tp. Cần Thơ	Nội khoa (Thần kinh)
403	217005	Nguyễn Tấn	Đạt	Nam	30/06/1995	Tp. Cần Thơ	Nội khoa.
404	217003	Võ Thị Ngọc	Diệp	Nữ	14/09/1993	Long An	Nội khoa.
405	217007	Nguyễn Thị Nhã	Đoan	Nữ	06/08/1983	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa.
406	217008	Lý Phúc	Đức	Nam	29/03/1993	Bình Dương	Nội khoa.
407	217009	Phạm Thu	Hằng	Nữ	17/03/1992	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nội khoa.
408	217011	Phan Quang	Hiếu	Nam	22/12/1987	Tp. Đà Nẵng	Nội khoa.
409	217016	Trần Thái	Hung	Nam	06/03/1994	An Giang	Nội khoa.
410	217014	Đỗ	Huy	Nam	20/04/1995	Kiên Giang	Nội khoa.
411	217015	Trần Minh	Huy	Nam	01/12/1995	Tiền Giang	Nội khoa.
412	217019	Đỗ Văn	Khánh	Nam	27/07/1989	Tp. Hà Nội	Nội khoa.
413	217020	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	07/06/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nội khoa.
414	217017	Trần Trung	Kiên	Nam	07/07/1994	Đồng Nai	Nội khoa.
415	217018	Hà Anh	Kiệt	Nam	25/07/1992	Trà Vinh	Nội khoa.
416	217022	Hoàng Thị Hồng	Linh	Nữ	30/05/1994	Bình Định	Nội khoa.
417	217023	Nguyễn Văn	Linh	Nam	14/11/1994	Ninh Bình	Nội khoa.

418	217024	Phan Trung Ái	Linh	Nữ	03/04/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa.
419	217028	Thái Phạm Văn	Minh	Nam	1/2/1992	Đồng Nai	Nội khoa.
420	217029	Đỗ Thị	Mơ	Nữ	23/07/1993	Hà Nội (Hà Tây cũ)	Nội khoa.
421	217032	Huỳnh Cao	Ngọc	Nam	20/03/1995	Tp. Cần Thơ	Nội khoa.
422	217034	Lê Minh	Nguyệt	Nữ	09/07/1987	Thanh Hóa	Nội khoa.
423	217036	Phan Trung	Nhân	Nam	27/07/1995	Đồng Tháp	Nội khoa.
424	217049	Châu Thuận	Thành	Nam	07/12/1992	Kiên Giang	Nội khoa.
425	217051	Trịnh Ngọc	Thạnh	Nam	14/3/1995	Ninh Thuận	Nội khoa.
426	217054	Trần Phương	Thảo	Nữ	05/10/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa.
427	217061	Võ Văn	Trắng	Nam	20/04/1994	Quảng Ngãi	Nội khoa.
428	217044	Đào Văn	Tuấn	Nam	17/07/1993	Nam Định	Nội khoa.
429	217045	Trần Anh	Tuấn	Nam	14/07/1995	Ninh Thuận	Nội khoa.
430	217047	Trần Thanh	Tùng	Nam	02/10/1994	Nghệ An	Nội khoa.
431	217068	Triệu Khánh	Vinh	Nam	20/12/1995	Sóc Trăng	Nội khoa.
432	217069	Nguyễn Châu Hoàng	Vũ	Nam	02/01/1989	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa.
433	259001	Phạm Thị Bình	An	Nữ	28/04/1995	Đồng Nai	Răng - Hàm - Mặt
434	259003	Nguyễn Lâm Tú	Anh	Nữ	05/05/1993	Lâm Đồng	Răng - Hàm - Mặt
435	259002	Nguyễn Lan	Anh	Nữ	21/08/1984	Bình Thuận	Răng - Hàm - Mặt
436	259004	Nguyễn Việt	Anh	Nam	30/11/1995	Khánh Hòa	Răng - Hàm - Mặt
437	259006	Cao Chánh	Đức	Nam	20/08/1995	Đồng Tháp	Răng - Hàm - Mặt
438	259008	Nguyễn Phụng	Hằng	Nữ	16/09/1991	Trà Vinh	Răng - Hàm - Mặt
439	259010	Cao Quang	Huy	Nam	23/01/1994	Bình Thuận	Răng - Hàm - Mặt
440	259012	Thái Thanh	Huy	Nam	09/04/1994	Bình Định	Răng - Hàm - Mặt
441	259014	Đỗ Quang	Khiêm	Nam	17/06/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt
442	259015	Bùi Tấn	Lâm	Nam	30/04/1995	Quảng Ngãi	Răng - Hàm - Mặt
443	259016	Trần Thuận	Lộc	Nam	19/11/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Răng - Hàm - Mặt
444	259018	Lâm Thị Quỳnh	Mai	Nữ	18/04/1995	Trà Vinh	Răng - Hàm - Mặt
445	259019	Bùi Hoàng	Minh	Nam	31/05/1995	Khánh Hòa	Răng - Hàm - Mặt
446	259021	Nguyễn Thanh	Nhàn	Nam	23/03/1995	Bạc Liêu	Răng - Hàm - Mặt
447	259023	Nguyễn Hồng	Sơn	Nam	28/05/1993	Quảng Bình	Răng - Hàm - Mặt
448	259030	Trương Đức Kỳ	Trân	Nam	06/06/1995	Quảng Nam	Răng - Hàm - Mặt

449	259032	Lưu Hải	Trung	Nam	17/03/1994	Tp. Cần Thơ	Răng - Hàm - Mặt
450	259026	Nguyễn Thanh	Tú	Nam	12/08/1995	Bình Phước	Răng - Hàm - Mặt
451	259027	Trần Duy	Tùng	Nam	24/04/1994	Khánh Hòa	Răng - Hàm - Mặt
452	259028	La Ngọc	Tuyền	Nữ	15/11/1986	Sóc Trăng	Răng - Hàm - Mặt
453	230002	Lê Việt	Chính	Nam	28/09/1993	Đồng Tháp	Sản phụ khoa.
454	230003	Hồ Đăng	Chung	Nam	27/03/1995	Nghệ An	Sản phụ khoa.
455	230007	Nguyễn Quốc	Đạt	Nam	25/11/1990	Tp. Hồ Chí Minh	Sản phụ khoa.
456	230011	Nguyễn Trung	Đức	Nam	04/07/1995	Hà Tĩnh	Sản phụ khoa.
457	230015	Thiều Đình	Hoàng	Nam	01/09/1995	Hà Tĩnh	Sản phụ khoa.
458	230019	Nguyễn Tân	Hưng	Nam	15/08/1994	Bến Tre	Sản phụ khoa.
459	230031	Phạm Văn	Mạnh	Nam	03/02/1995	Nghệ An	Sản phụ khoa.
460	230033	Phan Kim	Ngân	Nữ	11/07/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Sản phụ khoa.
461	230035	Hoàng Tiểu	Ngọc	Nữ	03/11/1994	Bình Định	Sản phụ khoa.
462	230037	Huỳnh Thị Thanh	Nhàn	Nữ	13/03/1995	Tiền Giang	Sản phụ khoa.
463	230039	Huỳnh Mỹ	Như	Nữ	09/10/1994	Kiên Giang	Sản phụ khoa.
464	230044	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	06/10/1994	Nam Định	Sản phụ khoa.
465	230046	Hoàng Trọng	Sáng	Nam	01/08/1992	Đắk Lắk	Sản phụ khoa.
466	230056	Lê Nguyên Diệu	Thuần	Nữ	07/11/1994	Phú Yên	Sản phụ khoa.
467	230058	Châu Thị	Thúy	Nữ	21/04/1995	Gia Lai	Sản phụ khoa.
468	230047	Võ Minh	Tiền	Nam	07/07/1991	Trà Vinh	Sản phụ khoa.
469	230060	Trần Thị Thùy	Trang	Nữ	05/09/1995	Quảng Ngãi	Sản phụ khoa.
470	230065	Nguyễn Thị Hồng	Vân	Nữ	17/10/1992	Long An	Sản phụ khoa.
471	230066	Lê Đoàn	Vũ	Nam	04/10/1994	Đồng Nai	Sản phụ khoa.
472	230067	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	13/10/1994	Đắk Lắk	Sản phụ khoa.
473	231002	Nguyễn Thái	Bảo	Nam	05/10/1995	Lâm Đồng	Tai - Mũi - Họng.
474	231004	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Nữ	13/1/1994	Đắk Lắk	Tai - Mũi - Họng.
475	231007	Nguyễn Đình	Chinh	Nam	01/08/1994	Gia Lai	Tai - Mũi - Họng.
476	231005	Nguyễn Tất	Cường	Nam	27/03/1995	Đắk Lắk	Tai - Mũi - Họng.
477	231006	Trần Quốc	Cường	Nam	09/03/1996	An Giang	Tai - Mũi - Họng.
478	231012	Phan Hữu	Đức	Nam	04/01/1995	Bình Thuận	Tai - Mũi - Họng.
479	231009	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	Nữ	10/07/1995	Đồng Nai	Tai - Mũi - Họng.

480	231011	Lê Thanh	Duyên	Nữ	30/11/1993	Tiền Giang	Tai - Mũi - Họng.
481	231013	Lâm Tuấn	Hiệp	Nam	07/12/1995	Nam Định	Tai - Mũi - Họng.
482	231015	Quách Hồ Huy	Hoàng	Nam	24/09/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Tai - Mũi - Họng.
483	231019	Nguyễn Duy	Khang	Nam	24/08/1986	Bến Tre	Tai - Mũi - Họng.
484	231021	Trịnh Quốc	Khánh	Nam	15/05/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Tai - Mũi - Họng.
485	231022	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	12/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Tai - Mũi - Họng.
486	231023	Trương Đăng	Khoa	Nam	07/08/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Tai - Mũi - Họng.
487	231018	Trần Quang	Kiên	Nam	17/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Tai - Mũi - Họng.
488	231024	Đặng Diệu	Linh	Nữ	16/09/1995	Gia Lai	Tai - Mũi - Họng.
489	231027	Võ Thị Thuỳ	Linh	Nữ	04/12/1991	Tp. Cần Thơ	Tai - Mũi - Họng.
490	231028	Võ Thị Phú	Lộc	Nữ	21/05/1993	Quảng Nam	Tai - Mũi - Họng.
491	231031	Phan Võ Thy	Ngân	Nữ	23/10/1995	Vĩnh Long	Tai - Mũi - Họng.
492	231032	Đỗ Minh	Nghĩa	Nam	10/10/1995	Bình Định	Tai - Mũi - Họng.
493	231033	Nguyễn Thế	Nguyên	Nam	04/11/1996	Vĩnh Long	Tai - Mũi - Họng.
494	231037	Nguyễn Tấn	Phước	Nam	11/09/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Tai - Mũi - Họng.
495	231039	Nguyễn Khắc	Sơn	Nam	30/10/1995	Gia Lai	Tai - Mũi - Họng.
496	231043	Lê Tiên	Thành	Nam	14/06/1990	Bến Tre	Tai - Mũi - Họng.
497	231044	Nguyễn Hữu	Thành	Nam	16/01/1995	Trà Vinh	Tai - Mũi - Họng.
498	231045	Trương Minh	Thịnh	Nam	20/12/1995	Đồng Nai	Tai - Mũi - Họng.
499	231046	Võ Đức	Thịnh	Nam	06/06/1993	Tiền Giang	Tai - Mũi - Họng.
500	231040	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	29/10/1995	Gia Lai	Tai - Mũi - Họng.
501	231041	Nguyễn Phi Anh	Tuấn	Nam	13/11/1995	Khánh Hòa	Tai - Mũi - Họng.
502	231049	Nguyễn Tuấn	Vũ	Nam	04/01/1995	Ninh Bình	Tai - Mũi - Họng.
503	233002	Đoàn Tuấn	Anh	Nam	04/02/1993	Đắk Lắk	Tổ chức Quản lý dược
504	233003	Nguyễn Thị Loan	Anh	Nữ	30/08/1995	Bến Tre	Tổ chức Quản lý dược
505	233004	Phùng Hà Thị Thu	Ba	Nữ	20/08/1994	Đắk Lắk	Tổ chức Quản lý dược
506	233009	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Duyên	Nữ	20/11/1993	Đồng Nai	Tổ chức Quản lý dược
507	233016	Phạm Thị Thu	Hậu	Nữ	27/09/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Tổ chức Quản lý dược
508	233022	Đinh Tấn	Hung	Nam	28/02/1994	Phú Yên	Tổ chức Quản lý dược
509	233023	Trương Ngọc Trúc	Hương	Nữ	30/11/1992	Tiền Giang	Tổ chức Quản lý dược
510	233021	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	20/05/1992	Quảng Bình	Tổ chức Quản lý dược

511	233024	Trần Quang	Khải	Nam	24/08/1990	An Giang	Tổ chức Quản lý dược
512	233025	Trần Nguyên	Khang	Nam	11/01/1996	An Giang	Tổ chức Quản lý dược
513	233026	Châu Học	Khiêm	Nam	30/05/1989	Bạc Liêu	Tổ chức Quản lý dược
514	233028	Phạm Huỳnh Phương	Linh	Nữ	30/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Tổ chức Quản lý dược
515	233030	Lê Tấn	Lợi	Nam	14/09/1993	Long An	Tổ chức Quản lý dược
516	233029	Văn Huỳnh	Long	Nam	25/09/1995	Kiên Giang	Tổ chức Quản lý dược
517	233031	Mai Thị Mỹ	Ly	Nữ	07/04/1987	Bình Thuận	Tổ chức Quản lý dược
518	233032	Ngô Thị Thanh	Mai	Nữ	20/10/1983	Tây Ninh	Tổ chức Quản lý dược
519	233034	Nguyễn Minh	Nam	Nam	22/01/1996	Đắk Lắk	Tổ chức Quản lý dược
520	233036	Lê Thị Mỹ	Ngọc	Nữ	07/07/1997	Phú Yên	Tổ chức Quản lý dược
521	233042	Phan Nguyễn Biểu	Tâm	Nam	29/03/1994	Bình Dương	Tổ chức Quản lý dược
522	233053	Trần Đại Anh	Thư	Nữ	15/04/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Tổ chức Quản lý dược
523	233055	Nguyễn Thị Xuân	Thương	Nữ	10/09/1988	Đắk Lắk	Tổ chức Quản lý dược
524	233051	Nguyễn Thị Như	Thùy	Nữ	14/12/1996	Tiền Giang	Tổ chức Quản lý dược
525	233057	Trần Thị Quỳnh	Trâm	Nữ	27/06/1981	Đắk Nông	Tổ chức Quản lý dược
526	233045	Trương Thị Ánh	Tuyết	Nữ	09/04/1985	Bình Dương	Tổ chức Quản lý dược
527	233060	Nguyễn Thị Hồng	Vân	Nữ	02/10/1988	Bình Định	Tổ chức Quản lý dược
528	233061	Nguyễn Phú	Vinh	Nam	10/06/1994	Đồng Tháp	Tổ chức Quản lý dược
529	233062	Lê Huyền	Vy	Nữ	13/05/1996	Bình Thuận	Tổ chức Quản lý dược
530	233063	Lê Thụy Thảo	Vy	Nữ	17/10/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Tổ chức Quản lý dược
531	236001	Nguyễn Thế	Bảo	Nam	20/04/1993	Nghệ An	Ung thư.
532	236002	Phan Thành	Công	Nam	13/11/1994	Ninh Bình	Ung thư.
533	236003	Nguyễn Thế Kỷ	Cương	Nam	16/11/1993	Đồng Nai	Ung thư.
534	236004	Nguyễn Lê	Đoan	Nam	24/02/1995	Lâm Đồng	Ung thư.
535	236005	Nguyễn Trung	Hậu	Nam	04/08/1991	Tp. Hồ Chí Minh	Ung thư.
536	236006	Nguyễn Thị Bích	Hiền	Nữ	11/09/1992	Tp. Hồ Chí Minh	Ung thư.
537	236007	Nguyễn Thành	Huy	Nam	23/06/1995	Kon Tum	Ung thư.
538	236009	Hà Hữu Hoàng	Khải	Nam	11/11/1995	Thanh Hóa	Ung thư.
539	236010	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	28/06/1995	Vĩnh Long	Ung thư.
540	236008	Võ Anh	Kiệt	Nam	31/07/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Ung thư.
541	236011	Võ Hoài	Nam	Nam	25/03/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Ung thư.

542	236012	Nguyễn Phạm Bảo	Nhiên	Nữ	09/09/1994	Lâm Đồng	Ung thư.
543	236014	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	30/12/1992	Sông Bé	Ung thư.
544	236015	Phạm Thị Minh	Thư	Nữ	17/04/1995	Đắk Lắk	Ung thư.
545	236016	Nguyễn Hoàng	Việt	Nam	09/11/1990	Bạc Liêu	Ung thư.
546	238001	Trần Hòa	An	Nam	22/08/1995	Bình Thuận	Y học cổ truyền.
547	238003	Ngô Thanh	Hùng	Nam	26/06/1995	Đồng Nai	Y học cổ truyền.
548	238004	Huỳnh Võ Quốc	Kha	Nam	08/01/1995	Tiền Giang	Y học cổ truyền.
549	238005	Nguyễn Thị Mộng	Kha	Nữ	31/05/1995	Vĩnh Long	Y học cổ truyền.
550	238006	Dương Thị Ngọc	Lan	Nữ	08/07/1995	Sông Bé	Y học cổ truyền.
551	238007	Trương Thị Anh	Linh	Nữ	14/09/1992	Đắk Nông	Y học cổ truyền.
552	238008	Hạ Chí	Lộc	Nam	08/05/1995	Bến Tre	Y học cổ truyền.
553	238012	Nguyễn Thảo	Ngân	Nữ	23/02/1993	Bình Định	Y học cổ truyền.
554	238013	Thái Khánh	Ngọc	Nữ	14/07/1995	Bình Dương	Y học cổ truyền.
555	238014	Lê Nguyễn Hạo	Nhiên	Nữ	01/12/1995	Sông Bé	Y học cổ truyền.
556	238016	Lê Ngô Minh	Như	Nữ	27/11/1995	Bình Phước	Y học cổ truyền.
557	238015	Lê Ngọc Tuyết	Nhung	Nữ	12/06/1994	Kon Tum	Y học cổ truyền.
558	238011	Bùi Kim	Nữ	Nữ	21/12/1991	Tp. Hồ Chí Minh	Y học cổ truyền.
559	238017	Nguyễn Thị	Quý	Nữ	17/03/1994	Bình Định	Y học cổ truyền.
560	238018	Đỗ Thanh	Sang	Nam	13/09/1995	Kon Tum	Y học cổ truyền.
561	238019	Võ Thành	Son	Nam	23/04/1992	Long An	Y học cổ truyền.
562	238020	Ngô Văn	Tân	Nam	19/09/1993	Tp. Đà Nẵng	Y học cổ truyền.
563	238025	Nguyễn Trần Anh	Thư	Nữ	09/11/1994	Phú Yên	Y học cổ truyền.
564	238024	Lưu Thanh	Thùy	Nữ	23/01/1993	Đồng Nai	Y học cổ truyền.
565	238021	Nguyễn Trọng	Tín	Nam	28/10/1995	Tiền Giang	Y học cổ truyền.
566	238027	Võ Bích	Trâm	Nữ	12/05/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Y học cổ truyền.
567	238028	Nguyễn Thị Bích	Trân	Nữ	24/11/1995	Long An	Y học cổ truyền.
568	238026	Nguyễn Thị Hoài	Trang	Nữ	16/01/1995	Hà Tĩnh	Y học cổ truyền.
569	239003	Phùng Ngô Hà	Châu	Nam	14/06/1991	Tp. Hồ Chí Minh	Y học dự phòng.
570	239004	Huỳnh Tiểu	Đào	Nữ	12/09/1994	Đồng Tháp	Y học dự phòng.
571	239005	Bùi Thị	Hiền	Nữ	10/05/1992	Quảng Bình	Y học dự phòng.
572	239007	Huỳnh Thị	Hương	Nữ	13/04/1994	Bình Thuận	Y học dự phòng.

573	239006	Ngô Thị Thu	Huyền	Nữ	05/04/1989	Nam Định	Y học dự phòng.
574	239008	lâm cẩm	linh	Nữ	07/12/1988	Kiên Giang	Y học dự phòng.
575	239009	Lê Nguyễn Thùy	Mai	Nữ	03/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Y học dự phòng.
576	239010	Nguyễn Hồng	Ngọc	Nữ	24/01/1996	Cà Mau	Y học dự phòng.
577	239011	Nguyễn Kim Khôi	Nguyên	Nam	19/07/1991	Tp. Hồ Chí Minh	Y học dự phòng.
578	239014	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Nữ	18/05/1990	Quảng Trị	Y học dự phòng.
579	239015	Phạm Tấn	Phát	Nam	02/12/1993	Bình Định	Y học dự phòng.
580	239016	Huỳnh Lê Tấn	Phúc	Nam	12/04/1990	Bến Tre	Y học dự phòng.
581	239018	Quách Thị Lệ	Quân	Nữ	07/01/1994	Sóc Trăng	Y học dự phòng.
582	239019	Phạm Đình	Quyết	Nam	20/10/1992	Gia Lai	Y học dự phòng.
583	239020	Trương Ngọc	Sinh	Nam	30/07/1991	Bình Thuận	Y học dự phòng.
584	239021	Tô Thành	Tâm	Nam	02/05/1992	Bến Tre	Y học dự phòng.
585	239024	Phan Tăng Mạnh	Thường	Nam	18/08/1996	Tp. Cần Thơ	Y học dự phòng.
586	239023	Lê Thị Thu	Thủy	Nữ	26/06/1994	Tp. Hải Phòng	Y học dự phòng.
587	239025	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	17/01/1990	Bến Tre	Y học dự phòng.
588	239026	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	Nữ	24/01/1993	Long An	Y học dự phòng.
589	255001	Nguyễn Thị Thu	An	Nữ	16/02/1992	Phú Yên	Y tế công cộng
590	255002	Phạm Thị	Ánh	Nữ	01/03/1996	Nam Định	Y tế công cộng
591	263001	Dương Nhật	Cường	Nam	15/10/1981	Bến Tre	Y tế công cộng
592	263002	Ngô Quốc	Cường	Nam	01/12/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Y tế công cộng
593	255004	Nguyễn Long	Điền	Nam	20/07/1992	Long An	Y tế công cộng
594	255003	Đặng Thị Xuân	Dũng	Nữ	08/02/1991	Quảng Nam	Y tế công cộng
595	255005	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	30/04/1988	Quảng Nam	Y tế công cộng
596	255006	Lương Mỹ	Loan	Nữ	17/09/1983	Đồng Nai	Y tế công cộng
597	255007	Châu Văn	Lượm	Nam	20/03/1988	Ninh Thuận	Y tế công cộng
598	255008	Lê Ngọc Bảo	Minh	Nữ	19/04/1990	Tp. Hồ Chí Minh	Y tế công cộng
599	255010	Lê Thị Mỹ	Ngọc	Nữ	21/07/1990	Tp. Hồ Chí Minh	Y tế công cộng
600	255011	Bùi Thị	Nhi	Nữ	18/5/1993	Quảng Ngãi	Y tế công cộng
601	255012	Phạm Thị Dương	Nhi	Nữ	28/09/1994	Bến Tre	Y tế công cộng
602	255014	Cao Thị Hồng	Nhung	Nữ	16/07/1994	Quảng Trị	Y tế công cộng
603	255015	Nguyễn Thị Bé	Phương	Nữ	14/02/1994	Bình Phước	Y tế công cộng

604	255016	Phạm Thị Thu	Phuong	Nữ	14/01/1997	Phú Yên	Y tế công cộng
605	256001	Trương Thị Hồng	Sen	Nữ	29/04/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Y tế công cộng
606	255021	Nguyễn Phan Như	Thảo	Nữ	22/12/1990	Sông Bé	Y tế công cộng
607	255023	Nguyễn Vũ Minh	Thư	Nữ	23/08/1990	Đồng Nai	Y tế công cộng
608	255022	Nguyễn Ngọc	Thuy	Nam	9/11/1991	Bà Rịa - Vũng Tàu	Y tế công cộng
609	255018	Dương Thành	Tín	Nam	27/11/1992	Quảng Trị	Y tế công cộng
610	255025	Điền Ngọc	Trang	Nữ	01/12/1988	Tp. Hồ Chí Minh	Y tế công cộng
611	255027	Nguyễn Đức	Trọng	Nam	11/07/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Y tế công cộng
612	255028	Phạm Thị	Vân	Nữ	16/10/1992	Nghệ An	Y tế công cộng
613	256002	Lâm Sơn Bảo	Vi	Nữ	25/02/1988	Tây Ninh	Y tế công cộng
614	255029	Trần Đặng Thúy	Vi	Nữ	27/02/1994	Bình Định	Y tế công cộng

Danh sách ấn định 614 học viên.